

Số: 2096/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 4 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Nông thôn
thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 183/TTr-SNN ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực Nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng mới quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác thủ tục hành chính, bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính

công bố tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh cập nhật, đăng tải công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các dữ liệu thủ tục hành chính vào Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG THÔN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2096/QĐ-UBND ngày 4 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Cách thức/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	DVC trực tuyến (mức độ)	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Áp dụng đối với trường hợp UBND cấp xã là cơ quan được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất).	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. <i>(Trình tự thực hiện thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023).</i>	1. Trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã 2. Trực tuyến: Địa chỉ truy cập : https://www.dichvucong.phutho.gov.vn 3. Dịch vụ Bưu chính công ích	Không quy định	Toàn trình	- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. - Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/ NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. - Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện

					<p>một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.- Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.
--	--	--	--	--	---

II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG THÔN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

1. Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*Áp dụng đối với trường hợp UBND cấp xã là cơ quan được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất*).

a. Trình tự thực hiện:

- Đại diện cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp xã, nơi được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ thì yêu cầu đại diện cộng đồng dân cư bổ sung hoàn thiện hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Tổ thẩm định có tờ trình trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét phê duyệt. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Tổ thẩm định phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất biết.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp; trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất của cộng đồng (*Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ*).

+ Biên bản họp cộng đồng (*Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ*).

+ Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ*).

+ Bản cam kết của hộ gia đình (*Mẫu số 07 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ*).

+ Bản photo hợp đồng tiêu thụ (*nếu có*).

- Số lượng: 10 bộ hồ sơ

d. Thời hạn giải quyết hồ sơ

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cộng đồng dân cư.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện về phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: theo quy định tại Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Thọ.

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo)

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phân đối ứng thực hiện dự án, phương án.

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/ NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

- Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài

theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Thông tư số 04/2022/TT-BNNPT NT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

- Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi: UBND xã..... (hoặc UBND cấp huyện.....)

Cộng đồng dân cư:.....

Người đại diện:

Chức vụ:

CMTND/CCCD:ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax:.....Email:.....

Căn cứ chính sách.....(*Cộng đồng dân cư*) đề nghị.....(*tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng*):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm hỗ trợ phát triển sản xuất:.....

2. Địa bàn thực hiện:.....

3. Quy mô:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:.....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết (*nêu cụ thể từng nội dung đề nghị nhà nước hỗ trợ*):

2. Tổng vốn, kinh phí dự kiến đề nghị hỗ trợ:

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (*nếu hỗ trợ trong nhiều năm*):

III. CAM KẾT:..... (tên Cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đảm bảo thực hiện thu hồi vốn quay vòng theo quy định

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):.....

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu;

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

UBND XÃ.....

KHU.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG

Hôm nay, ngày.....thángnăm....., tại thôn.....xã.....huyện, nhóm hộ (tổ hợp tác) đã tổ chức họp để lựa chọn các hộ đủ điều kiện, đăng ký tham gia dự án như sau:

I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ: Trưởng khu dân cư.
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà)..... Chức vụ:

II. Thành phần tham gia:

- Đại diện UBND xã:.....
- Đại diện thôn (nơi triển khai dự án):
- Đại diện nhóm hộ (Tổ hợp tác):
- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn thôn

III. Nội dung cuộc họp.

1. Thống nhất cử đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): Thống nhất tên dự án:; Thông qua nội dung, điều kiện và cơ chế hỗ trợ; Bình xét hộ đủ điều kiện về đất đai, lao động tham gia dự án; Tổng số hộ tham cuộc họp bình xét.....hộ; Tổng số hộ được lựa chọn tham gia dự án:hộ, trong đó: hộ nghèo.....hộ, hộ cận nghèo:.... hộ, hộ mới thoát nghèo.....hộ; lập danh sách các đối tượng tham giadự án.

- 3. Đối tượng tham gia:.....
- 4. Thời gian triển khai:.....
- 5. Địa bàn thực hiện:.....
- 6. Các hoạt động của dự án:.....

7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia :

8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:.....

10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:.....

11. Tổ chức thực hiện dự án:

12. Các nội dung liên quan khác.....

Cuộc họp đã kết thúc vào giờ cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản.

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác/cộng đồng
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng khu dân cư
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND Xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.....năm 20.....

TÊN DỰ ÁN

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):
3. Đối tượng tham gia:.....số lượng:hộ (có danh sách kèm theo)
4. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu....., thời gian kết thúc
5. Địa bàn thực hiện:.....
6. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm:.....
.....
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án và phân kỳ theo từng năm; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và phần đóng góp của các hộ gia đình tham gia).
8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có): (nêu rõ số tiền quay vòng phải thu, hình thức thu, thời gian thu...).
9. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:.....
10. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; (nêu rõ hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường.....).
11. Nhu cầu đào tạo, tập huấn kỹ thuật:.....
12. Các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có):.....
13. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết:.....
14. Tổ chức thực hiện dự án:

15. Các nội dung liên quan khác:

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ**

(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.....năm 20.....

**BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
THAM GIA DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

1. Họ và tên chủ hộ:
2. Địa chỉ: Khu....., xã....., huyện.....
3. Số CCCD/CMTND:....., do cơ quan công an..... cấp,
ngày....., tháng....., năm 20...
4. Số điện thoại:

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án/phương án.
4. Thực hiện luân chuyển hiện vật hoặc tiền quay vòng theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền (nếu có).
5. Nếu vi phạm cam kết, Tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản; cá nhân giữ 01 bản.

**Đại diện
nhóm trưởng/Tổ
trưởng**
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND Xã
*(ký, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)*

**Đại diện hộ
tham gia**
*(ký, ghi rõ họ
tên)*